

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-ST
Ngày: 21-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Sơn.
2. Ông Trần Quốc Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Lợi- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Chí T, sinh năm 1992, tại Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 06/5, khu phố 2, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1962 và bà Đoàn Thị Ngọc N, sinh năm 1969; Vợ là Huỳnh Thị Thúy H, sinh năm 1996; con sinh năm 2020; Anh chị em ruột: 04 người; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990, tại Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp PT, xã TP, huyện BL, Long An; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1960 và bà Hồ Thị D, sinh năm 1958; Bị cáo chưa có vợ; Anh chị em ruột: 05 người; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp 4, xã LĐ, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/3/2020, Huỳnh Chí T điều khiển xe mô tô biển số 62S1 - 0842 đi từ thị trấn BL đến khu công nghiệp Thuận Đạo mở rộng thuộc Ấp 4, xã LD, huyện C để đón vợ là Huỳnh Thị Thúy H đang làm công nhân tại công ty Huafu. Do chị H chưa tan ca nên T đến đường số 12 trong khu công nghiệp Thuận Đạo ngồi chờ, T phát hiện con bê đực (bò con) khoảng 02 tháng tuổi, lông màu xám có đốm trắng của anh Nguyễn Văn Q đang ăn cỏ tại khu đất trống cạnh Công ty cơ khí Nam Hưng, không người trông giữ. T nảy sinh ý định bắt trộm bê bán lấy tiền tiêu xài. T đến gặp Nguyễn Văn Đ là bạn chơi chung ngụ ở ấp PT, xã TP, huyện BL rủ cùng đi trộm bê, Đ đồng ý. T chở Đ đến địa điểm con bê, cả hai cùng nhau bắt bê khiêng ra xe, Đ ngồi sau ôm bê. T chở Đ và bê đến Nghĩa trang liệt sỹ xã AT, huyện BL bỏ Đ ở lại trông bê. T đến khu vực cầu Nước Mực thuộc huyện BL tìm đến nhà anh Nguyễn Phú Q để bán bê, anh Q đồng ý đến xem bê. Do không có bò mẹ nên anh Q không chịu mua, xảy ra cự cãi giữa hai bên. Anh Q thấy nghi ngờ hành vi của T và Đ nên báo Công an xã AT mời T và Đ về làm việc. Tại cơ quan Công an thì T và Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐDGTS ngày 23/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) con bê giống đực (bò con), loại bò BBB, lông xám có đốm trắng, khoảng 02 tháng tuổi, trọng lượng 37kg, giá trị là 7.000.000đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện C có thu giữ 01 (một) con bê giống đực (bò con), loại bò BBB, lông xám có đốm trắng, khoảng 02 tháng tuổi của anh Nguyễn Văn Q, hiện đã trả lại cho anh q; Đối với xe mô tô hiệu Linmax, biển số 62S1-0842 của Huỳnh Chí T hiện nay đang tạm giữ.

Tại Cáo trạng số: 16/CT-VKSCĐ ngày 16/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố Huỳnh Chí T và Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quyết định truy tố: Do các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản thu hồi được trả cho chủ sở hữu; bị cáo Đ có ông nội là người có công với cách mạng. Do vậy đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Chí T từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 tháng tù đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Không phạt bổ sung các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Q đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về vật chứng: Xe mô tô hiệu Linmax, biển số 62S1-0842 của bị cáo Huỳnh Chí T là công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung công.

Tại phiên tòa bị cáo:

Huỳnh Chí T và Nguyễn Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng đã nêu và đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội. Bị cáo không tranh luận.

Anh Nguyễn Văn Q đồng ý với các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng và không tranh luận gì, không yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Bị cáo Huỳnh Chí T và Nguyễn Văn Đ không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1]. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thu thập trong tố tụng hình sự có đủ cơ sở xác định: Do cần tiền để tiêu xài nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/3/2020, Huỳnh Chí T rủ Nguyễn Văn Đ thống nhất cùng nhau lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn Q tại Ấp 4, xã LĐ, huyện C là 01 (một) con bê giống đực, trọng lượng 37kg, trị giá 7.000.000đồng đem đi bán. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Chí T và bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

[2.2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ nhưng muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động nên các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Q trị giá 7.000.000đồng. Do đó, hành vi của Huỳnh Chí T và Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố các bị cáo Huỳnh Chí T và Nguyễn Văn Đ ra trước Tòa án nhân dân huyện C để xét xử về tội danh và điều luật trên là có căn cứ.

[3] Căn cứ quyết định hình phạt:

[3.1] Về lỗi: Các bị cáo là người đã thành niên và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác luôn được bảo vệ nhưng bị cáo vẫn cố ý xâm phạm đó là quyền sở hữu tài sản của anh Q do vậy lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Đây là vụ án đồng phạm nhưng là đồng phạm có tính chất giản đơn vì các bị cáo không có bàn bạc phân công nhiệm vụ, vai trò cụ thể, không có câu kết chặt chẽ. T vừa người giữ vai trò rủ rờ vừa là người thực hiện cùng với Đ.

[3.2] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi đã gây ra; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản thu hồi được trả cho bị hại; riêng đối với bị cáo T hiện nay có con nhỏ mới sinh năm 2020; Bị cáo Đ có ông nội là người có công với cách mạng. Do vậy, áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[3.4] Về áp dụng hình phạt: Hiện nay, tình hình trộm cắp tại địa phương vẫn còn nhiều, hành vi phạm tội ngày càng mạnh động, gây bức xúc lớn trong nhân dân và xã hội, tạo cho mọi người có cảm giác không yên tâm trong đời sống sinh hoạt. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng xét hành vi của các bị cáo là manh động thực hiện hành vi phạm tội ngay ban ngày. Như vậy thể hiện hành vi là nguy hiểm, coi thường pháp luật. Nếu để các bị cáo cải tạo ngoài xã hội sẽ gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn tại địa phương, không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, không đảm bảo việc cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt nên không chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cho các bị cáo được hưởng án treo, mà phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể cải tạo các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Chí T từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù và bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 tháng tù đến 01 năm tù là nặng so với tính chất hành vi của các bị cáo. Xét, chỉ cần bắt bị cáo Huỳnh Chí T chấp hành hình phạt 09 tháng tù và bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 tháng tù là đủ thời gian

giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt. Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không phạt bổ sung các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với xem mô tô hiệu Linmax, biển số 62S1-0842 của Huỳnh Chí T là công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung công.

[6] Về án phí: Bị cáo Huỳnh Chí T và Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Chí T và Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Chí T 09 (chín) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung công 01 (một) xe mô tô hiệu Linmax, biển số 62S1-0842 của Huỳnh Chí T (theo Quyết định chuyển vật chứng số 09/QĐ-VKSCĐ ngày 16/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Chí T nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- VKSND huyện (01b);
- VKSND tỉnh (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Các đương sự (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thám